

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

**MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU TỪ
KHẢO SÁT MỨC SỐNG HỘ DÂN CƯ NĂM 2010**

Hà Nội, 6 – 2011

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2011

MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU TỪ KHẢO SÁT MỨC SỐNG HỘ DÂN CƯ NĂM 2010

I. Khái quát về cuộc Khảo sát mức sống hộ dân cư (KSMS) năm 2010

KSMS2010 được triển khai trên phạm vi cả nước với quy mô mẫu 69.360 hộ¹ ở 3.133 xã/phường, đại diện cho cả nước, các vùng, khu vực thành thị, nông thôn và tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. Cuộc Khảo sát thu thập thông tin theo 4 kỳ, mỗi kỳ một quý từ quý 2 đến quý 4 năm 2010 và một kỳ vào quý 1 năm 2011, bằng phương pháp điều tra viên phỏng vấn trực tiếp chủ hộ và cán bộ chủ chốt của xã có địa bàn khảo sát.

Các số liệu thuộc các chuyên ngành thống kê khác được tổng hợp từ KSMS2010 để làm rõ và phân tích sâu hơn về những nhân tố ảnh hưởng đến mức sống, không nhằm thay thế các số liệu đã công bố của các chuyên ngành này.

II. Kết quả khảo sát

1. Thu nhập

Trong năm 2010, thu nhập bình quân 1 người 1 tháng chung cả nước theo giá hiện hành đạt 1.387 nghìn đồng, tăng 39,4% so với năm 2008, tăng bình quân 18,1% một năm trong thời kỳ 2008-2010. Thu nhập thực tế (thu nhập sau khi loại trừ yếu tố tăng giá) của thời kỳ 2008 -2010 tăng 9,3% mỗi năm, cao hơn mức tăng thu nhập thực tế 8,4% mỗi năm của thời kỳ 2006-2008 và 6,2% mỗi năm của thời kỳ 2004-2006, thấp hơn mức tăng thu nhập thực tế 10,7% mỗi năm của thời kỳ 2002-2004.

Thu nhập ở khu vực thành thị và nông thôn đều tăng so với năm 2008. Thu nhập bình quân 1 người 1 tháng ở khu vực thành thị đạt 2.130 nghìn đồng; khu vực nông thôn đạt 1.071 nghìn đồng, chênh lệch gần gấp 2 lần.

¹ Trong 69.360 hộ được khảo sát năm 2010 có 22.365 hộ chỉ điều tra thu nhập, 37.596 hộ điều tra thu nhập và các chủ đề khác, 9.399 hộ điều tra thu nhập, chi tiêu và các chủ đề khác.

Thu nhập bình quân 1 người 1 tháng của nhóm hộ nghèo nhất (nhóm thu nhập 1) đạt 369 nghìn đồng, tăng 34%, của nhóm hộ giàu nhất (nhóm thu nhập 5) đạt 3.411 nghìn đồng, tăng 38,7% so với năm 2008.

Thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2010 theo giá hiện hành của các vùng đều tăng so với năm 2008. Tuy nhiên, thu nhập giữa các vùng có sự chênh lệch. Vùng có thu nhập bình quân đầu người cao nhất là Đông Nam Bộ, cao gấp 2,6 lần vùng có thu nhập bình quân đầu người thấp nhất là vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Tốc độ tăng thu nhập năm 2010 của hộ dân cư chủ yếu do tốc độ tăng từ công việc hưởng tiền lương, tiền công và công việc tự làm xây dựng; ở khu vực nông thôn có thêm công việc tự làm thương nghiệp.

2. Chi tiêu

Tính chung cả nước, chi tiêu theo giá hiện hành năm 2010 bình quân 1 người 1 tháng đạt 1.211 nghìn đồng, tăng 52,8% so với năm 2008, bình quân mỗi năm tăng 23,6%. Chi tiêu thực tế (chi tiêu sau khi loại trừ yếu tố tăng giá) thời kỳ 2008-2010 tăng 14,1% mỗi năm, cao hơn mức tăng 7,9% mỗi năm của thời kỳ 2006-2008, 5,2% của thời kỳ 2004-2006 và mức tăng 10,3% của thời kỳ 2002-2004.

Năm 2010 chi tiêu cho đời sống bình quân đầu người 1 tháng ở khu vực nông thôn đạt 950 nghìn đồng, tăng 53,4% so với năm 2008; khu vực thành thị đạt 1.828 nghìn đồng, tăng 46,8% so năm 2008. Mức chi tiêu cho đời sống ở khu vực thành thị gấp 1,94 lần ở khu vực nông thôn và có xu hướng thu hẹp dần khoảng cách (hệ số này ở thời kỳ 2006-2008 là 2,03 lần; 2004-2006 là 2,06 lần; 2002-2004 là 2,1 lần). Chi tiêu cho đời sống năm 2010 của nhóm hộ nghèo nhất tăng 50%; của nhóm hộ giàu nhất tăng 66,1% so với năm 2008. Chi tiêu cho đời sống của nhóm hộ giàu nhất cao gấp 4,7 lần của nhóm hộ nghèo nhất (hệ số này năm 2008 là 4,2 lần, 2006, 2004 và 2002 đều là 4,5 lần).

Tỷ trọng chi ăn uống trong chi tiêu đời sống là một chỉ tiêu đánh giá mức sống cao hay thấp. Tỷ trọng này càng cao thì mức sống càng thấp và ngược lại. Việt Nam là một nước còn nghèo nên tỷ trọng này còn cao, nhưng đã có xu hướng giảm, từ 56,7% năm 2002 giảm xuống 52,9% năm 2010.

Nhóm hộ giàu nhất có mức chi tiêu những hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng ngoài ăn uống lớn gấp 7,5 lần so với nhóm hộ nghèo nhất, trong đó chi về nhà

ở, điện nước, vệ sinh gấp 11,7 lần; chi thiết bị và đồ dùng gia đình gấp 5,8 lần, chi y tế, chăm sóc sức khỏe gấp 3,8 lần, chi đi lại và bưu điện gấp 12,4 lần, chi giáo dục gấp 6 lần, chi văn hoá thể thao giải trí gấp 131 lần.

3. Giảm nghèo

3.1. Kết quả giảm nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo cả nước năm 2010 giảm còn 10,7% theo chuẩn nghèo của Chính phủ ban hành cho giai đoạn 2006-2010. Nếu tính theo chuẩn nghèo mới của Chính phủ cho giai đoạn 2011-2015 thì tỷ lệ hộ nghèo cả nước năm 2010 là 14,2%, thành thị là 6,9% và nông thôn là 17,4%. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có tỷ lệ nghèo cao nhất cả nước, tiếp đến là 2 vùng Tây Nguyên và vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung; Đông Nam Bộ có tỷ lệ nghèo thấp nhất cả nước.

Có 82,2% số hộ tự đánh giá cuộc sống của gia đình năm 2010 được cải thiện hơn so với 5 năm trước, 11,3% như cũ và 6,2% giảm sút. Những nguyên nhân cuộc sống như cũ hoặc giảm sút chủ yếu là do hộ có người ốm, đặc biệt là ở nông thôn; do thu nhập thấp và do giá cả tăng cao.

3.2. Phân hoá giàu nghèo

Năm 2010 thu nhập bình quân 1 người 1 tháng của nhóm hộ giàu nhất gấp 9,2 lần thu nhập của nhóm hộ nghèo nhất, tăng so với các năm trước.

Chênh lệch thu nhập và phân hoá giàu nghèo trong dân cư còn được nhận biết qua hệ số GINI hoặc tiêu chuẩn “40%”. Hệ số GINI nhận giá trị từ 0 đến 1. Hệ số GINI bằng 0 là không có sự chênh lệch. Hệ số GINI càng tiến dần đến 1 thì sự chênh lệch càng tăng và bằng 1 khi có sự chênh lệch tuyệt đối.

Hệ số GINI về thu nhập tính chung cả nước năm 2010 là 0,43 và có xu hướng tăng qua các năm (năm 2002 là 0,418, năm 2004, năm 2006 là 0,42 và năm 2008 là 0,43).

Tiêu chuẩn “40%” của Ngân hàng Thế giới xét tỷ trọng thu nhập của 40% dân số có thu nhập thấp nhất trong tổng thu nhập của toàn bộ dân cư. Tỷ trọng này nhỏ hơn 12% là có sự bất bình đẳng cao về thu nhập, nằm trong khoảng từ 12%-17% là có sự bất bình đẳng vừa và lớn hơn 17% là có sự tương đối bình đẳng. Tỷ trọng này ở nước ta tính theo số hộ là 17,98% năm 2002, 17,4% năm 2004, 17,4% năm 2006, 16,4% năm 2008 và 15% năm 2010. Theo tiêu chuẩn này thì Việt Nam

có phân bố thu nhập trong dân cư ở mức tương đối bình đẳng, nhưng đang có xu hướng tăng lên mức bất bình đẳng vừa.

3.3. Tham gia chương trình xóa đói giảm nghèo

Trong năm 2010 có 26,7% số hộ dân cư được hưởng lợi từ dự án/chính sách giảm nghèo, trong đó 10,2% hộ được hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế, 11,5% hộ được miễn giảm chi phí khám chữa bệnh cho người nghèo, 9,9% hộ được hưởng tín dụng ưu đãi cho người nghèo.

Tỷ lệ hộ được hưởng lợi từ dự án/chính sách giảm nghèo đạt mức cao ở các vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung và Tây nguyên. Có 68,1% số hộ người dân tộc thiểu số được hưởng lợi từ dự án/chính sách giảm nghèo. Tỷ lệ hộ thuộc nhóm nghèo nhất được hưởng lợi là 60,3%.

4. Một số đặc điểm nhân khẩu học cơ bản liên quan đến mức sống

Nhân khẩu bình quân 1 hộ chung cả nước năm 2010 là 3,89 người, giảm dần qua các năm điều tra (năm 2002 là 4,44 người, năm 2004 là 4,36 người, năm 2006 là 4,24 người và năm 2008 là 4,12 người). Xu hướng này diễn ra đối với cả khu vực thành thị và nông thôn, các vùng và các nhóm thu nhập.

Nhân khẩu bình quân 1 hộ dân cư thuộc khu vực nông thôn cao hơn khu vực thành thị, của hộ dân cư nghèo cao hơn hộ giàu, vùng núi cao hơn vùng đồng bằng. Theo KSMS2010, nhân khẩu bình quân 1 hộ ở nông thôn là 3,92 người, cao gấp 1,026 lần hộ ở thành thị và giảm so với năm trước (con số này năm 2008 là 1,17 lần). Nhóm hộ nghèo nhất có số nhân khẩu bình quân 1 hộ là 4,22 người, cao gấp 1,22 lần so với nhóm hộ giàu nhất. Các vùng Tây Nguyên và Trung du và miền núi phía Bắc có số nhân khẩu bình quân 1 hộ cao hơn các vùng khác.

Tỷ lệ phụ thuộc năm 2010 là 1,4, giảm so với các năm trước. Tỷ lệ phụ thuộc của nhóm hộ nghèo nhất cao hơn 1,8 lần so với nhóm hộ giàu nhất. Tỷ lệ phụ thuộc cũng cao hơn ở các hộ dân cư thuộc khu vực nông thôn, các hộ có trình độ học vấn của chủ hộ thấp hơn, các dân tộc khác dân tộc Kinh.

5. Giáo dục

Tỷ lệ không có bằng cấp hoặc chưa bao giờ đến trường của dân số từ 15 tuổi trở lên của nhóm hộ nghèo nhất là 38,2%, cao hơn 4,8 lần so với nhóm hộ giàu nhất; của nữ giới là 24,6%, cao hơn 1,6 lần so với của nam giới. Tỷ lệ dân

số từ 15 tuổi trở lên có bằng cao đẳng trở lên của nhóm hộ giàu nhất gấp 60 lần nhóm hộ nghèo nhất.

Tỷ lệ đi học chung có xu hướng giảm ở tất cả các cấp học phổ thông, ở thành thị và nông thôn và ở các vùng, ở nam và nữ và ở các nhóm dân tộc. Ngược lại, tỷ lệ đi học đúng tuổi có xu hướng tăng ở tất cả các cấp, ở thành thị nông thôn, vùng và nam nữ. Hai xu hướng này cho thấy học sinh ngày càng đi học đúng các độ tuổi quy định của 3 cấp học phổ thông. Tuy nhiên, càng ở cấp học cao thì học sinh nhóm hộ nghèo nhất càng ít được đến trường. Nếu không xét độ tuổi quy định thì cứ 100 em ở nhóm hộ nghèo nhất thì có 53 em được đi học cấp Trung học phổ thông (THPT), trong khi con số này ở nhóm hộ giàu nhất là 90 em. Nếu xét theo độ tuổi quy định thì cứ 100 em ở nhóm hộ nghèo nhất trong độ tuổi quy định của cấp THPT thì có 42 em được đi học cấp THPT, trong khi con số này ở nhóm hộ giàu nhất là 75 em.

Chi tiêu cho giáo dục đào tạo bình quân 1 người 1 tháng đạt khoảng 68 ngàn đồng, chiếm tỷ trọng 5,9% trong chi tiêu cho đời sống. Chi tiêu cho giáo dục đào tạo bình quân 1 người 1 tháng của nhóm hộ giàu nhất cao gấp hơn 6 lần so với nhóm hộ nghèo nhất, của hộ thành thị cao hơn 2,6 lần so với hộ nông thôn.

Trung bình các hộ dân cư phải chi khoảng 3 triệu đồng cho một thành viên đang đi học, tăng 64% so với năm 2008; nhóm hộ giàu nhất chỉ 6,7 triệu, cao hơn nhóm hộ nghèo nhất hơn 6 lần, hộ thành thị chỉ 5,3 triệu đồng, cao hơn hộ nông thôn 2,5 lần; hộ không có đăng ký hộ khẩu tại nơi đang sinh sống chi cao gấp 1,83 lần so với những hộ có đăng ký hộ khẩu tại nơi đang sinh sống.

Trong cơ cấu chi cho giáo dục, khoản học phí (39,1%), học thêm (12,9%) và chi giáo dục khác (24,1%) là các khoản chi chiếm tỷ trọng lớn. Tỷ lệ học sinh được miễn giảm học phí hoặc các khoản đóng góp là 38,6%, tăng so các năm trước.

Có khoảng 93% số thành viên hộ đang đi học trong các trường công lập và có xu hướng tăng qua các năm. Tỷ lệ thành viên đang đi học trong trường công lập ở khu vực thành thị thấp hơn ở khu vực nông thôn (86% so với 95%), của nhóm hộ giàu nhất thấp hơn của nhóm hộ nghèo nhất (88% so với 98%), ở vùng giàu thấp hơn ở vùng nghèo, của dân tộc Kinh thấp hơn của các nhóm dân

tộc khác. Chi phí trung bình 1 năm cho các thành viên hộ đang học tại các trường công lập thấp hơn nhiều so với các loại hình trường khác.

6. Y tế và chăm sóc sức khỏe

Tỷ lệ người có khám chữa bệnh trong 12 tháng trước thời điểm phỏng vấn là 40,9%, trong đó 37,1% có khám/chữa bệnh ngoại trú và 8,1% có khám chữa bệnh nội trú. Tỷ lệ này ở thành thị cao hơn một chút so với nông thôn; nhóm hộ giàu nhất cao hơn nhóm hộ nghèo nhất.

Khi phải nhập viện, người dân chủ yếu đã đến các bệnh viện nhà nước. Tỷ lệ lượt người khám chữa bệnh nội trú tại các bệnh viện nhà nước năm 2010 là 83,2%.

Tuy nhiên, người dân nông thôn có ít hơn cơ hội được khám chữa bệnh tại các bệnh viện nhà nước. Năm 2010 có 81% lượt người ở khu vực nông thôn khám, chữa bệnh nội trú tại các bệnh viện nhà nước, trong khi tỷ lệ này ở khu vực thành thị là 90%.

Có 66,7% số người khám chữa bệnh nội, ngoại trú có thẻ bảo hiểm y tế hoặc sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí, trong đó thành thị là 72,6%, nông thôn là 64,1%. Đặc biệt có 74,4% số người thuộc nhóm hộ nghèo nhất có thẻ bảo hiểm y tế hoặc sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí, trong khi nhóm hộ giàu nhất chỉ có 71%. Những vùng nghèo nhất như Trung du và Miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, những nhóm dân tộc thiểu số có tỷ lệ này cao hơn mức trung bình của cả nước.

Chi tiêu cho y tế, chăm sóc sức khỏe bình quân 1 người 1 tháng đạt khoảng 62 ngàn đồng, chiếm tỷ trọng 5,4% trong chi tiêu cho đời sống. Chi tiêu cho y tế, chăm sóc sức khỏe bình quân 1 người 1 tháng của nhóm hộ giàu nhất cao hơn gấp 3,8 lần so với nhóm hộ nghèo nhất, của hộ thành thị cao hơn 1,43 lần so với hộ nông thôn.

7. Việc làm

Việc làm là yếu tố quan trọng nhất tác động trực tiếp đến mức sống của dân cư thông qua vai trò tạo thu nhập cho hộ dân cư.

Dân số từ 15 tuổi trở lên làm công việc chiếm nhiều thời gian nhất trong 12 tháng qua có cơ cấu nghiêng về công việc phi nông, lâm nghiệp, thủy sản (55,5%) so với công việc nông, lâm nghiệp và thủy sản (44,5%). Tuy nhiên có đến 80%

công việc của nhóm hộ nghèo nhất vẫn là công việc thuần nông. Hộ càng giàu càng làm nhiều công việc phi nông, lâm nghiệp, thủy sản.

8. Nhà ở, điện nước, phương tiện vệ sinh và đồ dùng lâu bền

Theo KSMS 2010, tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố là 49,2%, nhà bán kiên cố là 37,8%, nhà thiếu kiên cố là 7,5% và nhà đơn sơ là 5,6%.

Tỷ lệ hộ có nhà kiên cố của nhóm nghèo nhất là 40,5% trong khi của nhóm giàu nhất là 53,4%. Ngược lại tỷ lệ hộ có nhà đơn sơ của nhóm nghèo nhất cao gấp 13,2 lần nhóm giàu nhất.

Tỷ lệ hộ có điện lưới thấp sáng đạt 97,2% năm 2010, trong đó khu vực nông thôn đạt 96,2%. Số hộ thuộc nhóm nghèo nhất sử dụng điện đạt 91,1%. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc còn gần 9% số hộ không được sử dụng điện lưới.

Năm 2010, số xe máy trên 100 hộ dân cư là 96 chiếc, nhóm nghèo có 52 chiếc và nhóm giàu có đến 138 chiếc. Số máy vi tính trên 100 hộ dân cư là 17 máy, con số này ở khu vực thành thị cao gấp 5 lần khu vực nông thôn, cứ 100 hộ thuộc nhóm nghèo nhất chỉ có 1 máy vi tính trong khi nhóm giàu nhất có 46 máy vi tính.

Tỷ lệ hộ dùng nguồn nước hợp vệ sinh cho ăn uống đạt 90,5%, trong đó nông thôn đạt 87,4%. Tỷ lệ hộ dùng nước máy đạt 28,1%, trong đó thành thị đạt 68,3%, nông thôn đạt 10,5%. Tỷ lệ hộ có hố xí tự hoại và bán tự hoại đạt 54%, trong đó khu vực nông thôn đạt 39,6%. Số hộ có rác thải được thu gom đạt 39,2, trong đó khu vực thành thị đạt 79,6%, nông thôn đạt 21,4%.

9. Các đặc điểm của xã

Để đánh giá tác động của cộng đồng đến đời sống và hoạt động sản xuất kinh doanh của dân cư ở khu vực nông thôn, KSMS2010 đã thu thập thông tin của 2250 xã ở khu vực nông thôn trên phạm vi cả nước. Các thông tin được thu thập từ cấp thôn và xã bao gồm: đặc điểm tình hình chung của xã, cơ hội việc làm phi nông nghiệp, tình hình sản xuất nông nghiệp của xã, cơ sở hạ tầng, giáo dục, y tế, tín dụng, tiết kiệm và các vấn đề về môi trường. Các kết quả rất phong phú này sẽ được công bố trong ấn phẩm Kết quả Khảo sát mức sống hộ dân cư năm 2010 bằng bản in và bản điện tử (trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê: <http://www.gso.gov.vn>).

10. Nhận xét chung

Năm 2010, tuy kinh tế - xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh không ít khó khăn, thách thức, nhưng cùng với đà phục hồi kinh tế nhanh sau khủng hoảng, thu nhập năm 2010 của dân cư tiếp tục tăng, tỷ lệ hộ nghèo giảm, đời sống của các tầng lớp dân cư tiếp tục ổn định. Tuy nhiên mức sống vẫn có sự cách biệt xa giữa thành thị, nông thôn, giữa nhóm dân cư giàu và nghèo, giữa một số vùng, đặc biệt vùng Trung du và miền núi phía Bắc và vùng Tây Nguyên còn khó khăn nhất so với các vùng khác. Đây là vấn đề đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách phải tiếp tục quan tâm giải quyết.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ